

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS - PT

Ngày 16 -5 - 2022

*“V/v Tranh chấp  
quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn T Sơn;

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Thu Huyền;

Ông Nguyễn Việt Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Bà Trương Thị Kim Dung -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10,16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLPT- DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 28/10/2021 Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:08/2022/QĐPT- DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Phúc H, sinh năm 1945.

Trú tại: Khu N, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khu N, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Phúc B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu N, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Chu Thành N – Công ty luật TNHH thế kỷ XXI – Đoàn luật sư TP. Hà Nội (có mặt phiên tòa ngày 10/5/2022, vắng mặt ngày 16/5/2022).

**- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** (Tòa án không triệu tập).

1/. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 (nhưng vẫn có mặt).

2/. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1960 (nhưng vẫn có mặt).

3/. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989

Đều trú tại: Khu N, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

**Người kháng cáo:** Anh Nguyễn Phúc B – Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Nguyên đơn và anh Nguyễn Đình P trình bày:** Bố mẹ cụ H sinh được 08 người con gồm Nguyễn Phúc Vạn, Nguyễn Phúc T, Nguyễn Thị Phúc H, Nguyễn Thị Lưu, Nguyễn Thị Niên, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Hương và Nguyễn Phúc Hảo. Sau khi bố mẹ chết năm 1998, đất của bố mẹ để lại đã được gia đình thống nhất chia cho 04 người con và 01 người cháu là cháu Thanh con anh T. Phần của cụ được chia 602 m<sup>2</sup>, đã được UBND huyện L (thời điểm chưa nhập vào thị xã P) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 319226 ngày 25/9/2000 tên: Nguyễn Thị Phúc H thuộc số thửa 559-1, tờ bản đồ số 34, nhưng diện tích thực tế thẩm định 573,5 m<sup>2</sup>.

Do cụ không có con nên năm 1990 cụ có nói với anh trai cả là Nguyễn Phúc T cho cháu Nguyễn Phúc B là con trai ông T về ở với cụ, khi đó anh B mới khoảng 04 tuổi. Cụ đã nuôi anh B từ đó đến nay nhưng bà không làm thủ tục nhận con nuôi qua chính quyền địa phương. Hiện nay anh B đã lấy vợ và có 03 con. Kể từ khi anh B lấy vợ là chị Nguyễn Thị L thì giữa cụ và vợ chồng anh B thường xảy ra mâu thuẫn, cụ đã tách ra ăn riêng. Nguyên nhân do vợ chồng anh B thường có thái độ coi thường, chửi mắng cụ thậm tệ với ý định chiếm đoạt quyền sử dụng đất của cụ. Nhà cũ của cụ xây dựng đã lâu, nay đã xuống cấp, cụ muốn xây lại nhưng vợ chồng anh B không đồng ý, không chịu chuyển đi chỗ khác để cụ lấy đất xây dựng. Trong thời gian sinh sống, anh B đã làm 01 cửa sắt bằng tôn, lát gạch nền gạch khu vực anh B đang rửa xe, xây dựng 01 chuồng bò, xây 01 gian phòng nhỏ và lợp 24 tấm Prô xi măng lán trước cửa, 01 buồng tắm và 01 phòng vệ sinh. Ngoài ra anh B còn để 01 đồng gạch và 02 cánh cửa trên đất.

Nay cụ đề nghị buộc anh B phải chuyển vợ, con và toàn bộ tài sản của anh B đi chỗ khác sinh sống, trả lại toàn bộ diện tích đất và nhà cho cụ. Do cụ già yếu không có điều kiện để thanh toán tiền công sức cho anh B, mà anh B cũng không có công sức gì trong khối tài sản.

Hiện nay trên thửa đất của cụ H còn có 02 quán bán hàng do bà Nguyễn Thị H1 và

bà Nguyễn Thị T đều là em gái của cụ H xây dựng lấy điểm buôn bán và sinh sống, đã được sự đồng ý của cụ H. Vì vậy cụ H, bà Toàn, bà Hương đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Phúc B trình bày:** Cụ Nguyễn Thị Phúc H là cô ruột anh, do không có con nên năm 1990 ông nội anh đã bàn với bố mẹ anh và cụ H cho anh ở với cụ H để sau này có chỗ nương tựa lúc tuổi già và lo hậu sự. Ông nội anh có nói với bố mẹ anh là nếu cho anh ở với bà H thì ông nội anh sẽ cho hai cô cháu mảnh đất, không nên để cô Hà nuôi người ngoài mà “hay thì nó ở, dở thì nó bước”. Khi đó ông nội chỉ nói miệng chứ không viết giấy tờ. Vì là tình cảm ruột thịt nên không làm thủ tục nhận con nuôi. Cụ H chỉ chuyển khẩu, chuyển ruộng của anh về ở với cụ H. Trong thời gian ở cùng cụ H anh đã mất rất nhiều công sức để tôn tạo mảnh đất vì thửa đất đó sâu khoảng 6 - 7m, anh đã thuê xe ô tô chở đất và san lấp tạo nên hiện trạng thửa đất như hiện nay. Sau đó anh và cụ H cùng xây dựng 01 quán, lúc đầu cho người khác thuê, sau khi anh lấy vợ thì hai vợ chồng anh tiếp tục đổ đất để xây dựng thêm lấy chỗ ở và bán hàng để sinh sống. Ngoài ra anh còn làm một số công trình như cụ H đã nêu. Trong thời gian ở cùng cụ H, vợ chồng anh là người chịu trách nhiệm đóng các khoản thuế, phí cho nhà nước.

Năm 2018 do căn nhà xuống cấp, anh đã bàn với cụ H cho vợ chồng anh xây lại căn nhà mới nhưng cụ H không đồng ý, mà lại nghe người khác xúi dục bán đất nhưng anh không đồng ý nên cụ H thường xuyên chửi mắng, đuổi vợ chồng anh ra ngoài. Tháng 9/2019 cụ H đã mời anh em, con cháu và một số đối tượng xấu đến để đuổi vợ chồng anh ra nhằm phân chia tài sản nhưng anh không đồng ý.

Nay cụ H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải chuyển toàn bộ tài sản của anh đi chỗ khác, trả lại toàn bộ diện tích đất và nhà cho cụ H. Quan điểm của anh đề nghị cụ H phải cắt cho anh phần đất 7m chiều ngang và chiều sâu 18m. Trong T hợp cụ H không cắt đất ở cho anh mà thanh toán tiền công sức thì anh không lấy tiền, yêu cầu thanh toán tiền công sức bằng đất ở.

**+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H1 đều trình bày:** Đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, không đề nghị định giá tài sản của họ.

**+ Chị Nguyễn Thị L trình bày:** Chị kết hôn với anh Nguyễn Phúc B năm 2009. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng cụ H từ đó đến nay. Trong thời gian ở cùng cụ H, vợ chồng có rất nhiều công sức đổ đất, san nền để có được mặt bằng như hiện nay, nhưng

cụ thể là bao nhiêu thì chị không biết vì vợ chồng tự làm là chính. Nay cụ H yêu cầu vợ chồng chị trả lại đất và nhà, chị đồng ý, nhưng yêu cầu cụ H phải thanh toán công sức cho vợ chồng chị bằng diện tích đất của ngôi nhà mà vợ chồng chị đang sinh sống hiện nay có bề mặt khoảng 7m, chiều sâu khoảng 18m (chị có đơn xin xét xử vắng mặt).

Tại phiên thẩm định ngày 30/7/2021: Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2000, diện tích ghi là 602m<sup>2</sup>. Đo đạc thực tế là 573,5 m<sup>2</sup>. Hội đồng định giá: Giá đất ở là 7.500.000đ/1m<sup>2</sup> x 300m<sup>2</sup> = 2.250.000.000đồng và đất vườn là 4.000.000đ/m<sup>2</sup> x 273,5m<sup>2</sup> = 1.094.000.000đồng. Tổng là 3.344.000.000đồng.

**Tài sản trên đất gồm có:**

1. 01 nhà cấp 4 lợp pro xi măng (trong đó có 02 gian buồng nhỏ, 01 gian phòng khách và 01 gian bếp) xây dựng năm 1990. Tổng diện tích nhà: Rộng 7,62m x Dài 7,33m = 55,85m<sup>2</sup> xây dựng từ năm 1990 hiện đã hết khấu hao sử dụng nên giá trị hiện tại của ngôi nhà là 7.000.000 đồng (tài sản của cụ H).

- Bếp: Rộng 3,04m x Dài 2,6m = 10,9m<sup>2</sup> (hết khấu hao, tài sản của cụ H).

2. 01 téc đựng nước bằng Inox đã cũ của cụ H định giá: 2.000.000đ. **Tổng tài sản trên đất của cụ H là: 7.600.000đ**

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất của cụ H là 3.351.600.000đ

**Tài sản riêng của anh B là:**

+ Trong đó gian buồng ngủ do anh B xây dựng, Rộng 4,6m x Dài 2,6m = 11,96m<sup>2</sup> có trị giá là: 1.400.000đ.

+ 01 Công trình phụ quay tôn lợp proximăng: Rộng 1,5m x Dài 3,5m = 5,25m<sup>2</sup> (đã cũ) trị giá: 200.000đ.

+ 01 lán phía trước lợp proximăng (đã cũ), Rộng 7,62m x Dài 4,9m = 37,33m<sup>2</sup> đã hết giá trị sử dụng được xác định giá trị thực tế hiện tại là: 500.000đ.

+ Cửa tôn (rộng 1,13m x dài 2,46m = 2,77m<sup>2</sup> x 8 cánh = 22,16m<sup>2</sup>) gồm 06 cánh phía trước và 02 cánh cửa bên hông của lán đều đã cũ đã hết khấu hao sử dụng. Giá trị hiện tại là: 1.700.000đ .

+ 01 Lán chuồng bò khung sắt lợp tôn: Rộng 4,95m x Dài 4,40m = 18,7m<sup>2</sup> do anh B xây dựng năm 2018 được định giá 3.500.000đ.

+ 02 vụn gạch xi (là tài sản riêng của anh B không yêu cầu định giá).

Tổng giá trị tài sản của anh B là **7.300.000đ**

\* Trên thửa đất này ngoài tài sản của anh B và cụ H còn có tài sản của bà Nguyễn Thị T và của bà Nguyễn Thị H1 cụ thể:

+ **Tài sản nhà bà Nguyễn Thị T:** 01 Nhà cấp 4 tường 10cm lợp mái tôn: Rộng 3,0m x Dài 6,1m = 18,3m<sup>2</sup>.

+ **Tài sản nhà bà Nguyễn Thị H1:** 01 Nhà cấp 4 tường 10cm lợp mái tôn: Rộng 4,1m x Dài 6,45m = 26,41m<sup>2</sup>.

+ **Tại bản án dân sự** sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 28/10/2021 Tòa án nhân dân thị xã P đã áp dụng: Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 115, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ Điều 12, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Phúc H.

+ Buộc anh Nguyễn Phúc B phải tháo dỡ, di chuyển 01 chuồng bò khung bằng sắt, mái lợp tôn và 02 vụn gạch xi đến nơi khác để trả lại trả lại cho cụ Nguyễn Thị Phúc H thửa đất số 559-1, tờ bản đồ số 34, diện tích 573,5 m<sup>2</sup> Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 319226 ngày 25/9/2000 đứng tên Nguyễn Thị Phúc H trị giá 3.344.000.000đồng.

+ Giao cho cụ Nguyễn Thị Phúc H sở hữu và sử dụng 01 gian buồng phía sau ngôi nhà có diện tích 2,6m x 4,6m = 11,92 m<sup>2</sup> trị giá 1.400.000 đồng; 01 công trình phụ quây tôn, lợp Proximăng diện tích 1,5m x 3,5m = 5,25 m<sup>2</sup> trị giá 200.000 đồng; 01 lán phía trước lợp Proximăng đã cũ trị giá 500.000 đồng; 06 cánh cửa tôn phía trước và 02 cánh cửa sắt bên hông của lán trị giá là 1.700.000 đồng. Cụ H phải thanh toán cho anh B tổng cộng là: 3.800.000 đồng.

+ Buộc cụ Nguyễn Thị Phúc H có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Phúc B số tiền 60.000.000đ công sức đã đóng góp, tôn tạo tại thửa đất của cụ H.

Tổng cộng cụ Nguyễn Thị Phúc H phải thanh toán cho anh Nguyễn Phúc B 63.800.000đ (Sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền, nghĩa vụ khi thi hành án, quyền kháng cáo.

+ Ngày 10/11/2021 anh Nguyễn Phúc B có đơn kháng cáo với đề nghị Hủy án sơ thẩm để xét xử lại với hai lý do: Mảnh đất ông nội anh cho hai mẹ con chứ không phải cho riêng cụ H. Trong thời gian ở cùng bà P 30 năm, anh đã mất rất nhiều công sức để đổ đất, tôn tạo mảnh đất đẹp và có giá trị như hiện nay. (BL 157).

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị bác kháng cáo của anh B, giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 23/02/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận đơn của cụ H không đồng ý trả 63.000.000đ cho anh B theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Án sơ thẩm xét xử ngày 28/10/2021, ngày 23/02/2022 cụ H mới có đơn không đồng ý trả tiền cho anh B, đây cũng chỉ là ý kiến, không phải là đơn kháng cáo, nếu là đơn kháng cáo thì đã quá hạn và không được xem xét là phù hợp (BL 172).

[2] Xét về đơn kháng cáo của anh Nguyễn Phúc B với nội dung yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại với hai lý do: Mảnh đất ông nội anh cho hai mẹ con chứ không phải cho riêng cụ H. Trong thời gian ở cùng cụ P 30 năm, anh đã mất rất nhiều công sức để đổ đất, tôn tạo mảnh đất đẹp và có giá trị như hiện nay.

- Hội đồng xét xử xem xét lý do kháng cáo thứ nhất “ Theo anh B thì ông nội cho anh và bà P diện tích đất gần 600 m2”.

Đối với ông Nguyễn Phúc T là bố đẻ anh B trình bày: Về nguồn gốc đất là của bố mẹ ông chia cho các con mỗi người một phần, riêng bà H không có con lại phải nuôi cháu Bình nên được chia cho phần nhiều hơn (BL 46). Tại các lời khai anh B trình bày: “...Khi đó anh còn nhỏ, chỉ nghe bố anh nói lại là ông nội cho anh và bà H chứ không có giấy tờ gì”. Trong hồ sơ có tài liệu: “Biên bản mở di chúc – thừa kế di sản đất của ông cha để lại” có xác nhận của chính quyền (BL 83-86) tuy chỉ là bản photocopy, là tài liệu tham khảo nhưng đối chiếu với lời khai của bố anh B thì đúng là có việc chia đất của bố mẹ bà H cho các con. Tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét lời khai của bố anh B đều không có căn cứ, không tài liệu nào chứng minh ông nội anh đã cho 2 người là anh B và cụ H (BL 148).

- Về lý do kháng cáo thứ hai: Trong thời gian ở cùng cụ P 30 năm, anh đã mất rất nhiều công sức để đổ đất, tôn tạo mảnh đất đẹp và có giá trị như hiện nay. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Cụ H đã có công nuôi dưỡng anh từ khi anh 04 tuổi, khi lớn lên lo việc cưới xin cho anh với mong muốn sau này anh có trách nhiệm với cụ cho đến khi cụ qua đời. Tuy nhiên, trách nhiệm chưa tròn, mâu thuẫn xảy ra, tình cảm rạn nứt. Anh trình bày ở cùng cụ H 30 năm là đúng nhưng anh đã làm được những gì cho cụ H ? Cấp sơ thẩm

đã ra quyết định yêu cầu anh B cung cấp các căn cứ chứng minh công sức duy trì, tôn tạo thửa đất (BL 113). Anh B và vợ là chị Nguyễn Thị L trình bày: Trước đây nền đất rất sâu, khoảng 6 -7 m, khi anh trưởng thành có đẩy xe bò đổ đất khi có thời gian rồi nên không đánh giá được giá trị của việc đổ đất. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh đã tự kéo xe, thuê ô tô đổ đất và thuê một số người đổ đất, san nền như hiện nay, anh chị không rõ bao nhiêu m<sup>3</sup>, san nhiều điểm trong mảnh đất nhưng không nhớ vị trí cụ thể, thời gian đã lâu cũng không nhớ thuê bao nhiêu tiền, cấp sơ thẩm đã ước lượng số tiền và công đổ đất san nền 60.000.000đ đối với diện tích đất nêu trên là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, anh B cũng trình bày có nhiều công sức cho việc đổ đất, tuy nhiên anh cũng không có tài liệu, căn cứ nào chứng minh công sức của mình chính xác là bao nhiêu m<sup>3</sup>, bao nhiêu tiền công nên cũng không có căn cứ để xem xét đối với nội dung kháng cáo này (BL 39,48,69,110,118,149). Vợ chồng anh B không yêu cầu hỗ trợ khi phải di dời nơi ở mới, không yêu cầu chi phí cho việc tháo dỡ, tuy nhiên nếu có yêu cầu thì cũng thấy rằng phía anh B cũng có một phần lỗi, không giữ được mối đoàn kết trong gia đình nên anh cũng phải chịu trách nhiệm một phần trong việc vợ chồng anh phải di dời nơi ở mới, bản thân cụ H đã là người cao tuổi và xem xét khả năng, điều kiện kinh tế của cụ H, nên cấp sơ thẩm không xem xét các chi phí này cho anh B là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Với các đánh giá, nhận định nêu trên, không có căn cứ để hủy án sơ thẩm theo đề nghị của anh B, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí: Anh B kháng cáo không được chấp nhận thì anh phải chịu án phí phúc thẩm dân sự là phù hợp .

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
- Áp dụng: Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 115, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Phúc B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## 2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Phúc H.

+ Buộc anh Nguyễn Phúc B phải tháo dỡ, di chuyển 01 chuồng bò khung bằng sắt, mái lợp tôn và 02 vụn gạch xi đến nơi khác để trả lại cho cụ Nguyễn Thị Phúc H thửa đất số 559-1, tờ bản đồ số 34, diện tích 573,5 m<sup>2</sup> Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0319226 ngày 25/9/2000 đứng tên Nguyễn Thị Phúc H trị giá 3.344.000.000đồng.

+ Giao cho cụ Nguyễn Thị Phúc H sở hữu và sử dụng 01 gian buồng phía sau ngôi nhà có diện tích 2,6m x 4,6m = 11,92 m<sup>2</sup> trị giá 1.400.000 đồng; 01 công trình phụ quây tôn, lợp Proximăng diện tích 1,5m x 3,5m = 5,25 m<sup>2</sup> trị giá 200.000 đồng; 01 lán phía trước lợp Proximăng đã cũ trị giá 500.000 đồng; 06 cánh cửa tôn phía trước và 02 cánh cửa sắt bên hông của lán trị giá là 1.700.000 đồng. Cụ H phải thanh toán cho anh B tổng cộng là: 3.800.000 đồng.

+ Buộc cụ Nguyễn Thị Phúc H có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Phúc B số tiền 60.000.000đ công sức đã đóng góp, tôn tạo tại thửa đất của cụ H.

Tổng cộng cụ Nguyễn Thị Phúc H phải thanh toán cho anh Nguyễn Phúc B 63.800.000đ (Sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

*Khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu cụ H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, kể từ ngày anh B có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong, cụ H còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, 468 Bộ luật dân sự.*

*“T hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

+ Anh Nguyễn Phúc B cùng vợ là Nguyễn Thị L và các con được quyền lưu cư tại thửa đất số 559-1, tờ bản đồ số 34 trong thời gian từ 02 tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

## 3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Phúc B phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm dân sự. Xác nhận anh B đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số 0002733 ngày 11/11/2021 tại Chi cục THADS thị xã P.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.



**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Trường Sơn**





